

Số: *131* /CBTT-BKC

Bắc Kạn, ngày 04 tháng 5 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

- Mã chứng khoán: BKC
- Địa chỉ: Tổ 4, Phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn
- Điện thoại liên hệ: (0209)3 812399 Fax:
- E-mail: bkc@backanco.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Căn cứ Nghị quyết số: 26/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc.

Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn công bố các Quy chế đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua ngày 29/4/2022 như sau:

- Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty (sửa đổi, bổ sung);
- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty;
- Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty;
- Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ theo hình thức bỏ phiếu điện tử.

3. Địa chỉ website đăng tải thông tin: <http://backanco.com>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu: VT, CVP.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT



Nguyễn Văn Vũ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
Tổ 4, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn
Điện thoại: (0209) 3.812399 – Website: <https://backanco.com>



QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
(Được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Bắc Kạn, tháng 4 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
Tổ 4, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn
Điện thoại: (0209) 3.812399 – Website: <https://backanco.com>



QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
(Được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Bắc Kạn, tháng 4 năm 2022

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Giải thích thuật ngữ.....	4
Điều 3. Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành	5
CHƯƠNG II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	5
Điều 4. Cách thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	5
Điều 6. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 8. Cách thức biểu quyết, bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu trong Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 9. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 10. Công bố Biên bản, Nghị quyết.....	6
Điều 11. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	6
Điều 12. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ Biên bản, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	6
CHƯƠNG III. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	6
Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 14. Ứng cử, đề cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị	8
Điều 15. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.....	8
Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	8
Điều 17. Thông báo về việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	9
Điều 18. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	9
Điều 19. Quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	9
Điều 20. Họp Hội đồng quản trị.....	9
Điều 21. Biên bản và Nghị quyết của cuộc họp Hội đồng quản trị	10
Điều 22. Nghị quyết HĐQT theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	11
Điều 23. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị.....	11
Điều 24. Người phụ trách quản trị Công ty	11
CHƯƠNG IV. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT	11
Điều 25. Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát	11
Điều 26. Ứng cử, đề cử vào vị trí thành viên Ban kiểm soát.....	12
Điều 27. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát	12
Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	12



Điều 29. Thông báo về việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát...	12
Điều 30. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	12
Điều 31. Quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát	13
CHƯƠNG V. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	13
Điều 32. Tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp	13
Điều 33. Tổng Giám đốc.....	13
Điều 34. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác.....	13
Điều 35. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp.....	13
Điều 36. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp.....	14
Điều 37. Thông báo bổ nhiệm, miễn người điều hành doanh nghiệp.....	14
Điều 38. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	14
Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc	15
Điều 40. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc	16
Điều 41. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên	16
Điều 42. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.....	17
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	18
Điều 43. Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty	18
Điều 44. Hiệu lực thi hành.....	18

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 26/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2022
của ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn năm 2022)*

CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020; Luật số: 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số: 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;
- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số: 26/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 của ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn năm 2022;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn, gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn. Quy chế này là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn.

2. Đối tượng áp dụng

- Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý của Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này;

- Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Những thuật ngữ dưới đây được giải thích như sau:

- Điều lệ: Điều lệ Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;
- Công ty: Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;
- HĐQT: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;
- BKS: Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;
- TGD: Tổng Giám đốc;
- Cán bộ quản lý: là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý do HĐQT bổ nhiệm;
- Công ty đại chúng: Công ty Cổ phần được quy định tại Khoản 1, Điều 32 Luật Chứng khoán;
- Người điều hành doanh nghiệp: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành doanh nghiệp khác theo quy định của Điều lệ;
- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị: Thành viên được quy định tại Khoản 2, Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- Người phụ trách quản trị Công ty: Người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Người có liên quan: Cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23, Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46, Điều 4 Luật Chứng khoán;
- Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020; Luật số: 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2020.
- Luật Chứng khoán 2019: Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP: Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán năm 2019;

- Thông tư 96/2020/TT-BTC: Thông tư số: 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

- Thông tư 116/2020/TT-BTC: Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

- Các thuật ngữ chưa được giải thích tại Quy chế này được hiểu theo Quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP”.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành

Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị Công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Cách thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức theo hình thức trực tuyến, trực tiếp và bỏ phiếu điện tử. Cổ đông có thể đăng ký tham dự Đại hội và thực hiện quyền biểu quyết của mình đối với các vấn đề tại cuộc họp một cách thuận tiện và hiệu quả thông qua gửi thư, fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử,... Đối với trường hợp bỏ phiếu điện tử, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT ban hành “Quy chế hướng dẫn bỏ phiếu điện tử” để thông qua các vấn đề của Đại hội.

Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. HĐQT hoặc người triệu tập ĐHCĐ phải xác định ngày đăng ký cuối cùng để làm cơ sở lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp và phải được công bố trên trang thông tin của Công ty tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều lệ, Luật Doanh nghiệp và quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam..

3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập (do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp) không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật. Thông báo mời họp được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc, cổ đông, người được cổ đông ủy quyền đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ theo các cách thức đã ghi trong thông báo mời họp. Việc đăng ký dự họp phải tiến hành đảm bảo tất cả các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Cổ đông đến dự họp muộn vẫn được đăng ký dự họp và được biểu quyết. Chủ tọa không có trách nhiệm phải dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 8. Cách thức biểu quyết, bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu trong Đại hội đồng cổ đông

Việc biểu quyết, bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu trong ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty, Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ và quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 9. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 10. Công bố Biên bản, Nghị quyết

Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Điều 11. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Công ty có thể lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Việc ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật.

Điều 12. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ Biên bản, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trình tự, thủ tục phản đối Nghị quyết của ĐHĐCĐ thực hiện theo các quy định tại Điều 22, 23 Điều lệ Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Cổ đông có quyền yêu cầu thư ký cuộc họp ghi lại ý kiến phản đối vào Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ khi Biên bản được công bố tại cuộc họp hoặc gửi văn bản phản đối đến HĐQT trong vòng 10 ngày kể từ ngày Biên bản được gửi cho các cổ đông hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản hoặc kể từ ngày Biên bản được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. Mọi chi phí liên quan đến thủ tục yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ sẽ do người yêu cầu chi trả.

4. Trong mọi trường hợp Nghị quyết vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG III. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

c) Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty khác;

2. Thành viên HĐQT độc lập theo quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

d) Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, BKS của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

3. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHCCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập HĐQT có liên quan.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời áp dụng cho những thành viên được bầu bổ sung, thay thế.

Điều 14. Ứng cử, đề cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty, Quy chế đề cử, ứng cử thành viên HĐQT của Công ty và Luật Doanh nghiệp.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này. Trong trường hợp này, các thành viên HĐQT đương nhiệm có quyền đề cử ứng cử viên đạt đủ các tiêu chuẩn thành viên HĐQT theo quy chế này, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan. HĐQT sau đó sẽ tiến hành biểu quyết theo nguyên tắc quá bán để chọn ra ứng viên có đủ điều kiện trình ĐHĐCĐ quyết định.

Điều 15. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp thành viên HĐQT có đơn từ chức hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên HĐQT thì người quản trị Công ty sẽ thụ lý việc xem xét và trình HĐQT quyết định. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chỉ có hiệu lực khi có Nghị quyết bằng văn bản của HĐQT.

3. Những trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty chỉ được thực hiện khi có Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Điều 17. Thông báo về việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT thông báo đến HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác và các cán bộ quản lý của Công ty phải công bố thông tin theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán áp dụng cho Công ty đại chúng và niêm yết.

Điều 18. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. HĐQT có các quyền hạn và nghĩa vụ quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. HĐQT chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Công ty.

Điều 19. Quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT có các quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên HĐQT có trách nhiệm đưa ra ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận tại cuộc họp HĐQT hoặc khi lấy ý kiến bằng văn bản.

3. Thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo kịp thời và đầy đủ cho HĐQT các khoản thù lao mà họ nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty. Các thành viên HĐQT và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của Công ty phải thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Hợp Hội đồng quản trị

1. HĐQT tổ chức họp theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên HĐQT khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Việc ủy quyền phải bằng văn bản và thông báo tới tất cả các thành viên HĐQT trước khi diễn ra cuộc họp. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số.

3. Thành viên HĐQT có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Thành viên HĐQT có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT khác tham dự cuộc họp. Việc ủy quyền được thực hiện bằng văn bản và gửi tới Chủ tịch HĐQT trước khi cuộc họp diễn ra. Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người không phải là thành viên HĐQT dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT còn lại chấp thuận.

4. Khi xét thấy cần thiết, người triệu tập họp HĐQT có thể mời các cá nhân khác tham dự cuộc họp HĐQT. Những người được mời họp có thể phát biểu ý kiến khi được chủ tọa yêu cầu nhưng không được biểu quyết.

5. Thông báo mời họp và các tài liệu liên quan tới cuộc họp phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và BKS ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp, trừ trường hợp trong cuộc họp đa số thành viên HĐQT không có ý kiến đề nghị tổ chức họp lại vì lý do thông báo mời họp, các tài liệu không được chuyển đến đúng hạn.

6. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến theo Khoản 9, Điều 28 Điều lệ Công ty;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Điều 21. Biên bản và Nghị quyết của cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Biên bản họp HĐQT được lập theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty, Điều 158 Luật Doanh nghiệp và được thông qua tại cuộc họp.

2. Nghị quyết của cuộc họp được thông qua theo nguyên tắc đa số theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty.

3. Trên cơ sở Biên bản cuộc họp, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết HĐQT.

4. Công ty phải thông báo các Nghị quyết của HĐQT cho các thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp trong vòng 48 giờ kể từ ngày Nghị quyết được thông qua. Nghị quyết HĐQT được công bố thông tin ra công chúng theo các quy định của pháp luật.

Điều 22. Nghị quyết HĐQT theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Giữa các kỳ họp, Chủ tịch HĐQT có thể quyết định lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản theo hình thức gửi thư thường hoặc thư điện tử (email). Trong thời hạn tối đa hai (02) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thư và đầy đủ tài liệu liên quan thành viên HĐQT có trách nhiệm đưa ra ý kiến biểu quyết. Việc gửi ý kiến trả lời có thể được thực hiện dưới các hình thức:

- Thư tín: Gửi chuyển phát nhanh đến văn phòng Công ty

- Fax: Gửi theo số fax của văn phòng Công ty.

- Email: thành viên HĐQT phải gửi ý kiến biểu quyết qua hộp thư đăng ký chính thức của mình về địa chỉ email của Người quản trị Công ty/Thư ký Công ty hoặc địa chỉ email khác do HĐQT thông báo vào từng thời điểm.

2. Người quản trị Công ty/Thư ký Công ty có trách nhiệm tổng hợp ý kiến và báo cáo Chủ tịch HĐQT. Biên bản tổng hợp ý kiến các thành viên HĐQT phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT và thư ký Công ty. Văn bản hoặc bản in ý kiến thành viên HĐQT từ email người nhận phải được đính kèm với Biên bản tổng hợp ý kiến.

Điều 23. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. HĐQT có thành lập các tiểu ban theo quy định tại Điều 29 Điều lệ Công ty.

2. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban.

Điều 24. Người phụ trách quản trị Công ty

1. HĐQT bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm Người quản trị Công ty. Người quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo Khoản 5, Điều 156 Luật Doanh nghiệp và phải công bố thông tin theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán áp dụng cho Công ty đại chúng và niêm yết.

2. Tiêu chuẩn, quyền hạn và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty thực hiện theo Điều 30 Điều lệ Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty được hưởng thù lao theo Quyết định của HĐQT.

CHƯƠNG IV. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 25. Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát

Thành viên BKS phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 36 Điều lệ Công ty, Khoản 1, Điều 169 Luật Doanh nghiệp.

Điều 26. Ứng cử, đề cử vào vị trí thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên BKS được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty, Quy chế đề cử, ứng cử thành viên BKS của Công ty và Luật Doanh nghiệp.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này. Trong trường hợp này, các thành viên BKS đương nhiệm có quyền đề cử ứng cử viên đạt đủ các tiêu chuẩn thành viên BKS theo quy chế này, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan. BKS sau đó sẽ tiến hành biểu quyết theo nguyên tắc quá bán để chọn ra ứng viên có đủ điều kiện trình ĐHĐCĐ quyết định.

Điều 27. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Việc biểu quyết bầu thành viên BKS thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Khoản 3, Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Khoản 4, 5 Điều 36 Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp thành viên BKS có đơn từ chức thì BKS sẽ quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận. Việc miễn nhiệm chỉ có hiệu lực khi có quyết định bằng văn bản của BKS.

3. Những trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty chỉ được thực hiện khi có Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Điều 29. Thông báo về việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên BKS phải thông báo tới HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác, cán bộ quản lý của Công ty phải công bố thông tin theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán áp dụng cho Công ty đại chúng và niêm yết.

Điều 30. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. BKS có các quyền hạn và nghĩa vụ quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. BKS có trách nhiệm xây dựng Quy chế hoạt động của BKS.

Điều 31. Quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên BKS có các quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Ngoài các quyền và trách nhiệm theo khoản 3 Điều 36 Điều lệ Công ty, Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:

- Chuẩn bị và triệu tập cuộc họp BKS; ký Biên bản họp, Nghị quyết cuộc họp của BKS;

- Có quyền đại diện BKS hoặc phân công thành viên khác tham gia họp với HĐQT, Tổng Giám đốc hoặc bên thứ ba;

- Bỏ phiếu quyết định các cuộc họp xảy ra tình trạng phiếu bầu ngang bằng nhau.

CHƯƠNG V. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 32. Tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

HĐQT thống nhất và công bố các tiêu chuẩn năng lực về lựa chọn người điều hành doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT. Các tiêu chuẩn năng lực do HĐQT quyết định phải phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy định quản lý nội bộ về nhân sự của Công ty.

Điều 33. Tổng Giám đốc

1. Các vấn đề liên quan tới chức danh Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định tại Điều 33 Điều lệ Công ty.

2. Tổng Giám đốc không được đồng thời là Chủ tịch HĐQT.

Điều 34. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng, bổ nhiệm người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định.

Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

Điều 35. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

Sau khi có quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Chủ tịch HĐQT ký hợp đồng lao động (hoặc phụ lục hợp đồng lao động) với Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc ký hợp đồng lao động với những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thông qua HĐQT.

Điều 36. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp

HĐQT quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp trong các trường hợp sau:

1. Có đơn từ chức hoặc chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty.
2. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ.
3. Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác.
4. Không hoàn thành công việc hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm phải tuân thủ quy định của Điều lệ, pháp luật lao động.

Điều 37. Thông báo bổ nhiệm, miễn người điều hành doanh nghiệp

Công ty phải thông báo việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp tới HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác và các cán bộ quản lý của Công ty và phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán áp dụng cho Công ty đại chúng và niêm yết.

CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 38. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS.
 - a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên BKS cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT.
 - b. Các Nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.
 - c. Khi BKS đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, HĐQT phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.
 - d. Các nội dung khác cần xin ý kiến của BKS phải được gửi trong thời hạn quy định và BKS phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.
 - e. Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT hoặc các vấn đề HĐQT phải trình ĐHCĐ, HĐQT sẽ quyết định trước khi có ý kiến của BKS. Quyết định của HĐQT không phụ thuộc vào ý kiến của BKS; trong trường hợp ý kiến không thống nhất, ý kiến của BKS sẽ được bảo lưu giải quyết theo các quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.

f. HĐQT, thành viên HĐQT phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát, kiểm soát viên.

2. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối hợp với HĐQT.

a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.

b. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên BKS quan tâm;

c. Khi thấy cần thiết phục vụ cho công việc giám sát của mình, Trưởng BKS có quyền tham dự hoặc cử thành viên BKS tham dự các cuộc họp của HĐQT; trong cuộc họp có quyền thảo luận đóng góp ý kiến nhưng không được quyền biểu quyết.

d. Trường hợp phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết HĐQT, Nghị quyết ĐHĐCĐ của các thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp, cán bộ quản lý khác thì BKS phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả, đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ. Sau thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo nếu HĐQT, Tổng Giám đốc không xử lý kịp thời thì BKS có quyền triệu tập họp HĐQT để giải quyết. Nếu vấn đề vẫn không được HĐQT giải quyết thì BKS báo cáo với ĐHĐCĐ trong kỳ họp gần nhất hoặc trong trường hợp cần thiết có thể yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường để giải quyết vấn đề trên.

e. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất năm (05) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

1. HĐQT, thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty.

2. HĐQT quyết định đánh giá, kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc trong các buổi họp HĐQT.

3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, cụ thể:

- Từ chối thực hiện những quyết định, yêu cầu của HĐQT, thành viên HĐQT nếu thấy vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ, đồng thời có trách nhiệm báo cáo ngay với HĐQT, BKS.

- Khi thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, phát hiện các vấn đề không có lợi cho Công ty thì phải báo cáo ngay cho HĐQT để xem xét điều chỉnh Nghị quyết, Quyết định. Nếu HĐQT không điều chỉnh thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên BKS.

- Ngoài những công việc phải trình HĐQT, Tổng Giám đốc có quyền chủ động điều hành hoạt động của Công ty theo các quy định tại Điều lệ Công ty, quy trình làm việc được HĐQT ban hành; được quyền quyết định các biện pháp xử lý vượt thẩm quyền trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố bất khả kháng,... nhưng phải thông báo ngay cho Chủ tịch HĐQT.

4. Tổng Giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo lập báo cáo cho HĐQT định kỳ hàng tháng, quý, sáu tháng, năm về tình hình hoạt động và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty.

5. Tổng Giám đốc được quyền đề nghị triệu tập họp HĐQT để xin ý kiến HĐQT quyết định các vấn đề ngoài thẩm quyền quyết định của Tổng Giám đốc.

6. Những nội dung Tổng Giám đốc cần xin ý kiến HĐQT phải được gửi trước ít nhất năm (05) ngày làm việc so với ngày dự kiến nhận được phản hồi.

7. Trường hợp Tổng Giám đốc không phải là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc có thể được mời dự họp, có quyền được thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 40. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên BKS quan tâm.

2. Ban kiểm soát, kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty.

3. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết HĐQT, Nghị quyết ĐHĐCĐ, BKS phải thông báo bằng văn bản với Tổng Giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ.

Điều 41. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. HĐQT, thành viên HĐQT, BKS, Kiểm soát viên được quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác, những người quản lý các đơn vị, phòng ban trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt

động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty theo các quy định tại Quy chế này và Điều lệ.

2. Khi có nhu cầu về thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty, ngoài các thông tin, tài liệu đã được Công ty công khai hoặc đã được gửi trong các cuộc họp hoặc gửi theo định kỳ, những người yêu cầu phải gửi phiếu yêu cầu bằng văn bản hoặc thư điện tử cho Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS, Tổng Giám đốc và người được yêu cầu ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày dự kiến được cung cấp. Phiếu yêu cầu phải nêu rõ danh mục và dạng lưu trữ thông tin, tài liệu, thời gian cung cấp, địa chỉ tiếp nhận và mục đích sử dụng thông tin, tài liệu được yêu cầu.

3. Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS được quyền trao đổi với thành viên HĐQT, kiểm soát viên có nhu cầu về nội dung phiếu yêu cầu và cách thức bảo mật thông tin, tài liệu được yêu cầu.

4. Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu theo phiếu yêu cầu đồng thời đề nghị người yêu cầu kiểm tra, ký và gửi lại phiếu giao nhận thông tin. Ngay sau khi hoàn thành việc cung cấp thông tin, người được yêu cầu phải thông báo cho Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS và Tổng Giám đốc về danh mục, trích yếu nội dung, hình thức lưu trữ của thông tin, tài liệu đã cung cấp, thời gian và địa điểm cung cấp và bản sao phiếu giao nhận thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được phiếu này từ người yêu cầu cung cấp thông tin.

5. HĐQT, thành viên HĐQT, BKS, Kiểm soát viên phải tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin của Công ty khi đến các địa điểm làm việc của Công ty, tiếp xúc và trao đổi, làm việc với bộ máy giúp việc của Tổng Giám đốc, tham gia các cuộc họp của Tổng Giám đốc với bộ máy giúp việc và tiếp nhận các thông tin, tài liệu được cung cấp.

Điều 42. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

1. HĐQT và BKS tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng và kỷ luật của từng thành viên HĐQT và trình lên ĐHĐCĐ.

2. BKS tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng và kỷ luật của từng thành viên BKS và trình lên ĐHĐCĐ.

3. HĐQT và BKS tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng và kỷ luật đối với Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác và trình lên ĐHĐCĐ.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này sẽ do HĐQT đề xuất, trình ĐHĐCĐ thông qua.

2. Trong trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa đề cập đến trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 44. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm VII Chương và 44 Điều được ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn năm 2022 thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/4/2022.

2. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty này là duy nhất và chính thức của Công ty.

3. HĐQT, Ban điều hành, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai, thực hiện Quy chế này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**



Vũ Phi Hồ





CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
Tổ 4, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn
Điện thoại: (0209) 3.812399 – Website: <https://backanco.com>



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
(Được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Bắc Kạn, tháng 4 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
Tổ 4, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn
Điện thoại: (0209) 3.812399 – Website: <https://backanco.com>



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
(Được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Bắc Kạn, tháng 4 năm 2022

Thành phố Bắc Kạn, ngày 29 tháng 4 năm 2022

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn

(Ban hành kèm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số: 26/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2022 của ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn năm 2022)

Căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;
- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số: 26/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn năm 2022;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn, gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn có 05 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thư ký Công ty thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, được áp dụng theo quy định tại khoản 2, Điều 24, Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề

cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định, cụ thể như sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên

được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ

đồng liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Quyền hạn cụ thể, cơ cấu tổ chức và cách thức hoạt động của các tiểu ban này phải tuân theo quy chế do Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với các quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định pháp luật có liên quan. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua.

3. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị

phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

2. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được

thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và hướng dẫn các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn bao gồm VII Chương, 23 Điều được ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2022.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Phi Hồ

MỤC LỤC

Chương I	1
QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	2
Chương II	2
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	2
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	4
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	7
Chương III	8
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	8
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	10
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	10
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.....	11
Chương IV	12
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	12
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	12
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	14
Chương V	15
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	15
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm.....	15
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	15
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan.....	16
Chương VI	17
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	17

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	17
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành	17
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát	17
Chương VII.....	18
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	18
Điều 23. Hiệu lực thi hành	18





CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
Tổ 4, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn
Điện thoại: (0209) 3.812399 – Website: <https://backanco.com>



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
(Được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Bắc Kạn, tháng 4 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
Tổ 4, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn
Điện thoại: (0209) 3.812399 – Website: <https://backanco.com>



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
(Được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Bắc Kạn, tháng 4 năm 2022

Thành phố Bắc Kạn, ngày 29 tháng 4 năm 2022

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số: 26/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2022
của ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn năm 2022)*

Căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;
- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số: 26/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 của ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn năm 2022;

Ban Kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn, gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành



viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 (ba) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

4. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

7. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát, được áp dụng theo quy định tại khoản 2, Điều 24, Điều lệ Công ty.

Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt

cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát.

Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc

kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm

toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm

toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn bao gồm VII Chương, 22 Điều được ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2022.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thế Phòng

149
NG
PH
NG
C K
T. S

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	1
QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.....	2
CHƯƠNG II	2
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)	2
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.....	2
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.....	2
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	3
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát	3
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.....	4
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	4
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	5
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	5
CHƯƠNG III	6
BAN KIỂM SOÁT	6
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	6
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	8
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đồng	9
CHƯƠNG IV	9
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	9
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát	9
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát	10
CHƯƠNG V	10
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	10
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm	10
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác	11
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan	11
CHƯƠNG VI	12
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	12
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát.....	12
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành	12
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	12
CHƯƠNG VII	13
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	13
Điều 22. Hiệu lực thi hành	13



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
Tổ 4, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn
Điện thoại: (0209) 3.812399 – Website: <https://backanco.com>



**QUY CHẾ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN
HOẶC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN
THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THEO HÌNH THỨC BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ**
(Được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Bắc Kạn, tháng 4 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
Tổ 4, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn
Điện thoại: (0209) 3.812399 – Website: <https://backanco.com>



**QUY CHẾ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN
HOẶC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN
THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THEO HÌNH THỨC BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ**
(Được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Bắc Kạn, tháng 4 năm 2022

Thành phố Bắc Kạn, ngày 29 tháng 4 năm 2022

QUY CHẾ

TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN HOẶC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THEO HÌNH THỨC BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ

*(được thông qua theo Nghị quyết số: 26/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2022 của
ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn)*

Căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/10/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;
- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số: 26/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn năm 2022;

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn ban hành Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức bỏ phiếu trực tuyến, gồm các nội dung sau:



CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1.1. Quy chế này quy định việc tổ chức cuộc họp thường niên hoặc cuộc họp bất thường của Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua hội nghị trực tuyến và/hoặc bỏ phiếu điện tử và/hoặc hình thức điện tử khác và quy định về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ theo hình thức bỏ phiếu điện tử của Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn (“Công ty”).

1.2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản theo hình thức Bỏ phiếu điện tử; điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản theo hình thức Bỏ phiếu điện tử.

1.3. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông và các bên liên quan có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

2.1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. **“Cổ đông”**: là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty, có tên trong danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

b. **“Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến” hoặc “Đại hội đồng cổ đông trực tuyến” hoặc “Đại hội trực tuyến”**: là cuộc họp thường niên hoặc cuộc họp bất thường của Đại hội đồng cổ đông được tổ chức thông qua một hoặc kết hợp một số các phương tiện truyền thông, trực tuyến, các giải pháp công nghệ thông tin cho phép các Cổ đông ở các địa điểm khác nhau có thể tham dự và biểu quyết tại cuộc họp mà không cần phải tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

c. **“Địa điểm tổ chức Đại hội trực tuyến”**: là địa điểm trên lãnh thổ Việt Nam, nơi Chủ tọa cuộc họp tham dự và chủ trì cuộc họp. Các Cổ đông (trừ các Cổ đông thuộc Ban tổ chức) phải tham gia từ các địa điểm khác để đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến bằng tài khoản truy cập đã được Công ty (hoặc Nhà cung cấp dịch vụ được Công

ty chỉ định) cung cấp để tham dự Đại hội trực tuyến theo đúng quy định bao gồm các quy định về phòng chống dịch bệnh, thiên tai, dịch họa v.v..

d. **“Hệ thống trực tuyến”**: là tổng hợp hạ tầng công nghệ thông tin (công thông tin, thiết bị truyền thông (như điện thoại, hệ thống kết nối hội nghị trực tuyến bằng âm thanh (VoIP) hoặc cả âm thanh và hình, các ứng dụng/hệ thống phần mềm, v.v.) do Công ty thiết lập hoặc sử dụng để phục vụ việc tổ chức Đại hội trực tuyến và Lấy ý kiến Cổ đông bằng Bỏ phiếu điện tử.

e. **“Tài khoản truy cập”**: bao gồm tên đăng nhập (Username) và mật khẩu (Password) được gửi trong Thư mời họp/văn bản của Công ty gửi Cổ đông hoặc mật khẩu xác thực 1 lần (OTP - One Time Password) được gửi vào số điện thoại của Cổ đông hoặc số điện thoại của người được Cổ đông ủy quyền để truy cập tham gia Đại hội trực tuyến và/hoặc Lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản bằng hình thức Bỏ phiếu điện tử. Mỗi Cổ đông chỉ được cấp một (1) Tài khoản truy cập để tham gia và biểu quyết. Tuy theo điều kiện của Hệ thống trực tuyến tại mỗi thời điểm, ngoài Tài khoản truy cập để tham gia và biểu quyết, Công ty có thể cấp thêm cho Cổ đông Tài khoản truy cập để theo dõi, thảo luận nhưng không có chức năng biểu quyết.

f. **“Lấy ý kiến Cổ đông bằng Bỏ phiếu điện tử”**: là việc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng phương thức bỏ phiếu điện tử được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.

g. **“Bỏ phiếu điện tử”**: là việc Cổ đông thực hiện quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến hoặc trong đợt Lấy ý kiến Cổ đông bằng Bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống trực tuyến được Công ty xây dựng hoặc sử dụng từ đơn vị cung cấp dịch vụ cho Công ty.

h. **“Đăng ký tham dự”**: là việc sử dụng Tài khoản truy cập để đăng nhập vào hệ thống và đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến/Lấy ý kiến Cổ đông bằng Bỏ phiếu điện tử theo quy định tại Quy chế này và hướng dẫn của Công ty .

i. **“Thời gian mở cửa Hệ thống trực tuyến”**: là khoảng thời gian kể từ Thời điểm mở cửa đến Thời điểm đóng cửa.

- **“Thời điểm mở cửa”**: là thời điểm Hệ thống trực tuyến bắt đầu để Cổ đông có thể truy cập, đọc tài liệu, đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến hoặc Lấy ý kiến Cổ đông bằng Bỏ phiếu điện tử và biểu quyết các nội dung cần biểu quyết;

- **“Thời điểm đóng cửa”**: là thời điểm Hệ thống trực tuyến đóng truy cập, biểu quyết,.. v.v. theo thông báo của Công ty .

j. **“Thời hạn biểu quyết”**: là thời điểm cụ thể do Công ty hoặc Chủ tọa cuộc họp thông báo để kết thúc việc biểu quyết đối với một, một số hoặc tất cả nội dung biểu quyết theo quy định.

2.2. Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác, các thuật ngữ đã được định nghĩa tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty sẽ có ý nghĩa tương tự như được quy định trong Quy chế này.

2.3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản của Điều lệ Công ty sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các điều khoản đó.

Điều 3. Điều kiện tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và Lấy ý kiến Cổ đông bằng Bỏ phiếu điện tử

3.1. Căn cứ tình hình thực tế, Hội đồng quản trị/người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định tổ chức cuộc họp thường niên hoặc cuộc họp bất thường của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức cuộc họp trực tiếp theo thủ tục quy định tại Điều lệ hoặc bằng hình thức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo thủ tục quy định tại Quy chế này.

Khi quyết định việc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo Điều 21 Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị sẽ quyết định áp dụng thủ tục quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty hoặc áp dụng thủ tục Lấy ý kiến Cổ đông bằng Bỏ phiếu điện tử quy định tại Quy chế này.

3.2. Việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và Lấy ý kiến Cổ đông bằng Bỏ phiếu điện tử sẽ bao gồm các nội dung chính như quy định tại Quy chế này. Tuy nhiên, trong trường hợp xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể ban hành thêm hướng dẫn chi tiết một số vấn đề liên quan để triển khai, tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và Lấy ý kiến Cổ đông bằng Bỏ phiếu điện tử.

3.3. Công ty sẽ hỗ trợ tối đa nhằm đảm bảo cho Cổ đông được tham dự và biểu quyết tại Đại hội trực tuyến và Lấy ý kiến Cổ đông bằng Bỏ phiếu điện tử nhưng không chịu trách nhiệm đối với những vấn đề phát sinh do:

a. Lỗi của Cổ đông hoặc người đại diện của Cổ đông (làm mất/lộ thông tin đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến, không nhận được thông tin do thay đổi địa chỉ mà không đăng ký thay đổi theo quy định, v.v.); hoặc

b. Không có đường truyền, thiết bị, phương tiện đăng nhập, v.v. hoặc đường truyền, thiết bị, phương tiện đăng nhập, v.v. bị trục trặc, lỗi, hư hỏng, hoặc mất điện, mất đường truyền cục bộ tại nơi Cổ đông tham gia, thư gửi không đi hoặc không nhận được thư theo đúng thời hạn, v.v.; hoặc

c. Các sự cố, trở ngại khác quan khác.

CHƯƠNG II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN THAM DỰ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN

HOẶC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ

Điều 4. Tham gia Đại hội đồng cổ đông trực tuyến/Lấy ý kiến Cổ đông bằng Bỏ phiếu điện tử

4.1. Cổ đông được ghi nhận là tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến/Lấy ý kiến bằng Bỏ phiếu điện tử khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a. Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp; và

b. Tài khoản truy cập của Cổ đông ở trạng thái đăng nhập thành công vào Hệ thống trực tuyến trong Thời gian mở cửa Hệ thống trực tuyến.

4.2. Tỷ lệ Cổ đông dự họp được tính bằng số Cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến trên tổng số Cổ đông có quyền dự họp.

4.3. Cổ đông tham dự họp Đại hội trực tuyến hoặc Lấy ý kiến Cổ đông bằng Bỏ phiếu điện tử sẽ đương nhiên được ghi nhận là đã xác thực tư cách tham dự Đại hội trực tuyến và được ghi nhận là tham dự và biểu quyết hợp lệ tại Đại hội trực tuyến/Lấy ý kiến bằng Bỏ phiếu điện tử ngay khi Tài khoản đăng nhập đã ở trạng thái đăng nhập thành công bằng tên đăng nhập và mật khẩu/mã OTP do Công ty (hoặc bên cung cấp dịch vụ do Công ty chỉ định cung cấp). Mật khẩu/mã OTP được Công ty cung cấp duy nhất cho từng Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông tại Thư mời

hợp/văn bản lấy ý kiến của Công ty hoặc số điện thoại của Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông.

4.4. Cổ đông sau khi đăng nhập tham dự Đại hội trực tuyến/Lấy ý kiến Cổ đông bằng Bỏ phiếu điện tử thì có thể thực hiện biểu quyết đối với các nội dung cần biểu quyết/cho ý kiến theo đúng Thời hạn biểu quyết và có thể đăng xuất và đăng nhập nhiều lần trong Thời gian mở cửa Hệ thống trực tuyến. Trong trường hợp hết Thời gian mở cửa Hệ thống trực tuyến, Tài khoản truy cập đã đăng nhập nhưng không thực hiện biểu quyết hoặc chỉ thực hiện biểu quyết một số nội dung, biểu quyết các nội dung đã hết thời hạn biểu quyết thì những nội dung chưa biểu quyết, biểu quyết sau thời hạn biểu quyết sẽ được ghi nhận là Cổ đông không tham dự biểu quyết tại nội dung đó.

4.5. Đối với Đại hội trực tuyến, việc biểu quyết có thể thực hiện theo nhiều đợt với Thời hạn biểu quyết khác nhau (ví dụ một số nội dung biểu quyết mang tính thủ tục như bầu Chủ tọa cuộc họp, bầu ban kiểm phiếu, thông qua thể lệ cuộc họp, thể lệ bầu cử, thay đổi chương trình cuộc họp v.v. có thể được ấn định Thời hạn biểu quyết để thực hiện các thủ tục tiếp theo).

Thời gian mở cửa Hệ thống trực tuyến, Thời hạn biểu quyết với từng nội dung cụ thể v.v. được thông báo trên Thư mời tham gia Đại hội trực tuyến/văn bản lấy ý kiến Cổ đông và trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ <https://backanco.com> hoặc các địa chỉ, phương tiện thông tin đại chúng khác theo quyết định của Ban Tổ chức, hoặc được Chủ tọa/Đoàn Chủ tịch thông báo tại Đại hội trực tuyến.

4.6. Cổ đông không có thiết bị, phương tiện kết nối internet (máy vi tính, máy tính bảng hoặc thiết bị điện tử tương tự khác hoặc không có đường truyền internet) để truy cập vào Hệ thống trực tuyến hoặc không thể truy cập vào Hệ thống trực tuyến thì có thể gửi phiếu biểu quyết qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ. Phiếu biểu quyết trong trường hợp này được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 149 Luật Doanh nghiệp. Trong đó, phiếu biểu quyết phải được gửi đến Công ty trước khi khai mạc Đại hội trực tuyến/thời hạn lấy ý kiến Cổ đông bằng Bỏ phiếu điện tử. Mọi phiếu biểu quyết (gửi thư, fax, thư điện tử) Công ty nhận được sau thời điểm này được coi là phiếu không hợp lệ.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền

5.1. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền được quyền tham dự và biểu quyết tất cả các nội dung biểu quyết mà Cổ đông có quyền biểu quyết theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế này và hướng dẫn của Ban Tổ chức Đại hội trực tuyến/Lấy ý kiến Cổ đông bằng Bỏ phiếu điện tử (bao gồm cả các quy định của bên cung cấp dịch vụ đã được Công ty chọn và gửi cho Cổ đông).

5.2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông thực hiện tham dự Đại hội trực tuyến bằng cách truy cập vào Hệ thống trực tuyến để tham dự, có thể theo dõi nội dung, diễn biến cuộc họp thông qua hệ thống truyền tín hiệu đa phương tiện (hình và/hoặc âm thanh, chữ viết, ký hiệu) trực tuyến của Công ty, thảo luận trực tuyến và biểu quyết các vấn đề mà mình có quyền biểu quyết theo quy định của Quy chế này và hướng dẫn của Công ty.

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông thực hiện tham dự Lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản bằng cách truy cập vào Hệ thống trực tuyến để tham dự và biểu quyết theo quy định của Quy chế này và hướng dẫn của Công ty.

5.3. Cổ đông và người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức được cung cấp Tài khoản truy cập qua Thư mời tham gia Đại hội/văn bản Lấy ý kiến Cổ đông bằng Bỏ phiếu điện tử để tham dự và biểu quyết bằng Bỏ phiếu điện tử. Tài khoản truy cập để tham gia, theo dõi, thảo luận và biểu quyết có thể sử dụng cùng một tài khoản hoặc nhiều tài khoản riêng biệt tùy theo hướng dẫn của Công ty.

5.4. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết theo quy định tại Điều lệ Công ty. Sau khi nhận được ủy quyền hợp lệ bằng văn bản của bên ủy quyền và bên được ủy quyền, Công ty sẽ cung cấp Tài khoản truy cập cho bên được ủy quyền để đại diện theo ủy quyền tiến hành thực hiện quyền và nghĩa vụ theo nội dung được ủy quyền.

Công ty cung cấp thông tin đăng nhập cho đại diện được ủy quyền qua thư điện tử hoặc hình thức khác theo thông tin đăng ký của Cổ đông. Cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với mọi vấn đề phát sinh từ việc ủy quyền của mình.

5.5. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông có trách nhiệm bảo mật tên truy cập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cung cấp để tham dự Đại hội trực tuyến/Lấy ý kiến Cổ đông bằng Bỏ phiếu điện tử nhằm đảm bảo rằng chỉ có Cổ

đồng hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông mới có quyền thực hiện việc tham dự và biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến.

5.6. Cổ đông đăng nhập muộn sau khi Đại hội đã diễn ra vẫn có quyền tham gia và biểu quyết ngay đối với những nội dung chưa hết Thời hạn biểu quyết nhưng hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

5.7. Cổ đông có nghĩa vụ chuẩn bị và sử dụng thiết bị phù hợp, có kết nối internet để tham gia và biểu quyết qua Hệ thống trực tuyến để tự mình đảm bảo việc tham gia theo nhu cầu bản thân trong suốt thời gian diễn ra Đại hội trực tuyến. Việc tham dự và biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến bằng tên truy cập với đúng mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác sẽ được mặc nhiên ghi nhận là của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông. Cổ đông tự chịu trách nhiệm về mọi rủi ro, tranh chấp liên quan đến việc tham dự và/hoặc biểu quyết thực hiện bằng Tài khoản truy cập của Cổ đông trên Hệ thống trực tuyến.

Cổ đông tự quản lý, chịu hoàn toàn trách nhiệm và cam đoan không khiếu nại hay kiện cáo đối với Công ty đối với các vấn đề phát sinh từ hoặc liên quan đến việc sử dụng Tài khoản truy cập (Tài khoản đăng nhập bị thoát ra khỏi Hệ thống trực tuyến, bên thứ ba sử dụng Tài khoản truy cập của Cổ đông truy cập vào Hệ thống trực tuyến v.v.). Trong trường hợp phát hiện Tài khoản truy cập có dấu hiệu bị tiết lộ, bị bên thứ ba sử dụng không có ủy quyền của Cổ đông hoặc các vấn đề phát sinh khác (như quên mật khẩu, quên tên tài khoản, muốn đổi mật khẩu, cung cấp lại mật khẩu v.v.) thì Cổ đông phải thông báo kịp thời cho Công ty và cung cấp đầy đủ thông tin xác thực để xử lý theo quy định nhưng không được ảnh hưởng tới việc tham dự và biểu quyết của các Cổ đông khác trừ trường hợp bất khả kháng.

5.8. Cổ đông cần thường xuyên cập nhật thông tin số điện thoại, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thư điện tử chính xác, đầy đủ, trung thực tại nơi lưu ký chứng khoán để đảm bảo nhận được thông báo Tài khoản truy cập và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

5.9. Cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông tuân thủ các quy định tại Quy chế này và hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự và tôn trọng kết quả của Đại hội trực tuyến.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban tổ chức Đại hội trực tuyến

6.1. Ban tổ chức Đại hội trực tuyến do Công ty thành lập, gồm một (1) Trưởng ban và các thành viên khác.

6.2. Ban tổ chức Đại hội trực tuyến có nhiệm vụ:

a. Chuẩn bị các phương tiện, cơ sở vật chất đảm bảo cho công tác tổ chức Đại hội trực tuyến, Lấy ý kiến Cổ đông bằng Bỏ phiếu điện tử.

b. Hỗ trợ Cổ đông về các vấn đề trong quá trình đăng nhập để tham gia Đại hội trực tuyến, Bỏ phiếu điện tử.

c. Hỗ trợ tiếp nhận ý kiến phát biểu của cổ đông qua khung trao đổi trực tuyến để chuyển cho Đoàn Chủ tịch.

d. Thực hiện các nhiệm vụ khác được giao.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

7.1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng quản trị quyết định thành lập, gồm một (1) Trưởng ban và các thành viên khác.

7.2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có nhiệm vụ:

a. Kiểm tra tư cách cổ đông đăng ký tham dự họp Đại hội trực tuyến theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

b. Báo cáo trước Đại hội về số lượng và tỷ lệ cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

7.3. Phương thức kiểm tra tư cách cổ đông: Ban kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông căn cứ vào thông tin đăng nhập từ Tài khoản truy cập của các Cổ đông để làm cơ sở xác định số Cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến tại thời điểm khai mạc Đại hội trực tuyến tại Địa điểm tổ chức Đại hội trực tuyến.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

8.1. Ban kiểm phiếu gồm một (1) Trưởng ban và các thành viên khác được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua trên cơ sở đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Nếu Đại hội đồng cổ đông không bầu thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó.

8.2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a. Hướng dẫn cho Cổ đông cách thức biểu quyết, bầu cử tại Đại hội trực tuyến.

b. Ghi nhận kết quả biểu quyết, bầu cử của các Cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội trực tuyến.

c. Tiến hành tổng hợp kết quả kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông.

d. Báo cáo kết quả kiểm phiếu tại Đại hội trực tuyến.

e. Bàn giao biên bản kiểm phiếu và dữ liệu kết quả kiểm phiếu điện tử cho Đoàn Chủ tịch.

f. Cùng Đoàn Chủ tịch xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo để Đại hội đồng cổ đông quyết định.

g. Thực hiện các nhiệm vụ khác được giao.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch

9.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. Chủ tọa chỉ định ba (3) người vào Đoàn Chủ tịch. Đoàn Chủ tịch gồm bốn (4) người, bao gồm Chủ tọa.

9.2. Đoàn Chủ tịch có nhiệm vụ:

a. Điều hành các hoạt động của cuộc họp theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

b. Hướng dẫn người dự họp thảo luận.

c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để ĐHĐCĐ biểu quyết.

d. Trả lời những vấn đề do cuộc họp Đại hội đồng cổ đông yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.

e. Thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số Cổ đông dự họp.

9.3. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trật tự, thủ tục hoặc các sự kiện liên quan đến thủ tục, trật tự cuộc họp diễn ra một cách ngẫu nhiên ngoài chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ có hiệu lực cao nhất.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Ban thư ký

10.1. Ban thư ký cuộc họp gồm hai (2) người do Chủ tọa cuộc họp cử.

10.2. Ban thư ký có nhiệm vụ:

a. Ghi, chép đầy đủ, trung thực, toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội trực tuyến và những vấn đề đã được cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội trực tuyến.

b. Soạn thảo Biên bản họp Đại hội trực tuyến và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội trực tuyến;

c. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

CHƯƠNG III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN

Điều 11. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

11.1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện như cách thức thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức gặp mặt trực tiếp theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ngoài các nội dung theo quy định tại Điều lệ, nội dung thông báo mời họp có thể có thêm các nội dung theo quy định của Quy chế này.

11.2. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được thông báo cho các cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và Hệ thống trực tuyến. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có nghĩa vụ chuẩn bị thêm tài liệu hướng dẫn cho các Cổ đông đăng ký và tham dự Đại hội trực tuyến.

Điều 12. Đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

12.1. Cổ đông sẽ thực hiện đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo tài liệu hướng dẫn của Công ty được gửi cho cổ đông kèm theo Thư mời họp và/hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp không muốn hoặc không có điều kiện để tham dự họp trực tuyến, Bỏ phiếu điện tử thì Cổ đông có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ.

12.2. Cổ đông sẽ truy cập vào đường dẫn do Công ty công bố và thực hiện đăng nhập bằng Tài khoản truy cập để tham dự Đại hội trực tuyến và biểu quyết. Việc Tài khoản truy cập được đăng nhập thành công trên Hệ thống trực tuyến có nghĩa là tư cách Cổ đông đã được xác thực. Cổ đông được ghi nhận là tham dự Đại hội trực tuyến khi và chỉ khi Tài khoản truy cập đã thực hiện đăng nhập thành công.

Điều 13. Kiểm tra tư cách cổ đông

Ban kiểm tra tư cách cổ đông căn cứ vào số lượng Cổ đông thực hiện gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp, số lượng Tài khoản truy cập đăng nhập thành công vào Hệ thống trực tuyến tại thời điểm khai mạc cuộc họp để làm cơ sở xác định tổng số Cổ đông tham dự họp Đại hội trực tuyến và thông báo số lượng Cổ đông tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tỷ lệ tham dự tại thời điểm khai mạc để Đại hội trực tuyến có thể tiến hành theo quy định.

Điều 14. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

14.1. Đại hội trực tuyến được tiến hành khi có số Cổ đông tham dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết căn cứ theo danh sách cổ đông có quyền dự họp.

14.2. Trường hợp không có đủ điều kiện để tiến hành cuộc họp theo quy định tại khoản 14.1 nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông trực tuyến triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

14.3. Khi Đại hội đồng cổ đông trực tuyến lần thứ hai không có đủ điều kiện để tiến hành cuộc họp theo quy định tại khoản 14.2 nêu trên, Đại hội đồng cổ đông trực tuyến lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp lần thứ hai và cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông tham dự họp.

Điều 15. Cách thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

15.1. Đại hội trực tuyến dự kiến diễn ra trong 1/2 ngày (một nửa ngày).

15.2. Các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội trực tuyến sẽ được lần lượt thảo luận và thông qua tại Đại hội trực tuyến.

Điều 16. Chương trình, nội dung làm việc của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

16.1. Chương trình và nội dung họp của Đại hội trực tuyến phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phần khai mạc.

16.2. Trường hợp trong quá trình tổ chức cuộc họp nếu Chủ tọa có đề xuất thay đổi chương trình và nội dung họp, các thay đổi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 17. Thảo luận trong Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

17.1. Công ty sẽ nghiên cứu, áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để Cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp tốt nhất.

17.2. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của Đại hội trực tuyến, Đoàn Chủ tịch có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp phù hợp.

17.3. Cổ đông thực hiện thảo luận theo hướng dẫn của Chủ tọa trong quá trình diễn ra Đại hội bằng hình thức phát biểu trực tuyến hoặc gửi ý kiến cho Đoàn Chủ tịch thông qua phương tiện kết nối trực tiếp theo hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội trực tuyến.

Việc thảo luận, giải đáp thắc mắc được thực hiện theo nguyên tắc và cách thức như sau:

a. Khi muốn phát biểu, trao đổi ý kiến thảo luận, cổ đông có thể: (i) phát biểu thông qua màn hình trực tuyến về các nội dung của Đại hội trực tuyến và phải được Đoàn Chủ tịch đồng ý mới phát biểu hoặc (ii) trao đổi thông qua phương tiện thông tin (điện thoại, chat, VoIP, v.v.) theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Đại hội trực tuyến.

Ban Tổ chức Đại hội trực tuyến có trách nhiệm tổng hợp và tóm tắt các ý kiến của Cổ đông và gửi cho Đoàn Chủ tịch.

b. Cổ đông phát biểu ngắn gọn, tránh trùng lặp và tập trung vào những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với Chương trình Đại hội trực tuyến đã được thông qua.

c. Chủ tọa cuộc họp sẽ sắp xếp cho các Cổ đông phát biểu theo thứ tự, đồng thời giải đáp các thắc mắc của Cổ đông. Chủ tọa có quyền ngừng việc phát biểu của Cổ đông nếu xét thấy những vấn đề kiến nghị và thảo luận trùng lặp, không liên quan đến nội dung Chương trình Đại hội trực tuyến.

d. Đoàn Chủ tịch chỉ trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm, liên quan đến các nội dung của Chương trình Đại hội trực tuyến và phù hợp với thời lượng Chương trình Đại hội trực tuyến.

17.4. Mỗi Cổ đông phát biểu tối đa không quá ba (03) phút/lần. Nếu quá thời lượng này, Chủ tọa cuộc họp có thể yêu cầu Cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản. Ban thư ký cuộc họp phải ghi nhận và Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho Cổ đông theo quy định.

Điều 18. Phương thức biểu quyết bằng Bỏ phiếu điện tử

18.1. Nguyên tắc chung.

Việc thông qua các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội trực tuyến được thực hiện bằng hình thức Bỏ phiếu điện tử tính theo số cổ phần sở hữu. Mỗi Cổ đông được cấp quyền biểu quyết theo số cổ phần có quyền biểu quyết của Cổ đông.

18.2. Phương thức biểu quyết.

Các nội dung sau đây được thông qua bằng hình thức Bỏ phiếu điện tử theo phương thức lựa chọn: (i) Tán thành, (ii) Không tán thành hoặc (iii) Không có ý kiến:

- a. Thông qua Ban kiểm phiếu.
- b. Thông qua Chương trình Đại hội trực tuyến.
- c. Thông qua Nội quy Đại hội trực tuyến, Thẻ lệ biểu quyết, Thẻ lệ bầu cử.
- d. Thông qua các nội dung theo Chương trình Đại hội trực tuyến.
- e. Thông qua Biên bản kiểm phiếu.
- f. Thông qua Biên bản cuộc họp.
- g. Các nội dung khác theo chương trình cuộc họp (nếu có).

18.3. Phương thức bầu cử.

Việc bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị và/hoặc Ban kiểm soát của Công ty được thực hiện bằng hình thức Bỏ phiếu điện tử theo phương thức bầu đôn phiếu. Mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

Điều 19. Thực hiện Bỏ phiếu điện tử

19.1. Công ty sẽ sử dụng phương tiện kỹ thuật/hệ thống phần mềm để cổ đông thực hiện Bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức điện tử khác ghi nhận việc biểu

quyết trực tuyến của Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với các nội dung của chương trình họp.

Phương thức cụ thể sẽ tùy thuộc vào phương tiện kỹ thuật hoặc cách thức mà Công ty sử dụng để phục vụ cho Đại hội trực tuyến và sẽ được công bố tới các Cổ đông trước mỗi lần tổ chức Đại hội trực tuyến.

19.2. Cổ đông đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến thông qua Tài khoản truy cập mà Cổ đông được cung cấp tại Thư mời họp để xem các thông tin liên quan đến đợt biểu quyết đã được đăng tải trên Hệ thống trực tuyến và Bỏ phiếu điện tử theo từng nội dung cần biểu quyết.

19.3. Thời gian cổ đông có thể bắt đầu truy cập Hệ thống trực tuyến để Bỏ phiếu điện tử sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và thông báo cho Cổ đông trong tài liệu Đại hội trực tuyến.

19.4. Khi điều hành Đại hội trực tuyến, Chủ tọa phải thông báo thời điểm kết thúc biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến, các Thời hạn biểu quyết từng vấn đề cụ thể (nếu có) để Cổ đông thực hiện quyền của mình. Kết quả biểu quyết của Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền là tổng hợp kết quả Bỏ phiếu điện tử được ghi nhận tại thời điểm kết thúc biểu quyết. Kể từ thời điểm kết thúc biểu quyết đối với từng nội dung xin ý kiến tại Đại hội trực tuyến, Hệ thống trực tuyến sẽ khóa chức năng biểu quyết nội dung đó lại và Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền không thể thực hiện biểu quyết đối với nội dung đã bị khóa.

Kết quả biểu quyết của cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống trực tuyến là kết quả cuối cùng và không được phép khiếu nại/khiếu kiện liên quan đến kết quả này.

19.5. Trước khi thời hạn biểu quyết kết thúc, Cổ đông chỉ được biết kết quả biểu quyết của mình. Sau khi thời hạn biểu quyết kết thúc, Cổ đông sẽ biết được kết quả biểu quyết chung đối với từng nội dung do Đoàn Chủ tịch hoặc Ban kiểm phiếu công bố.

19.6. Trường hợp Cổ đông đăng nhập thành công để tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không thực hiện biểu quyết đối với một, một số hoặc tất cả nội dung thì sẽ được ghi nhận là Cổ đông không tham dự biểu quyết tại nội dung đó.

Điều 20. Kết quả biểu quyết

20.1. Việc kiểm phiếu sẽ được tính dựa trên số lượng phiếu mà Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền Bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức biểu quyết hợp lệ khác.

20.2. Kết quả kiểm phiếu trong thời gian Bỏ phiếu điện tử được thống kê và tính toán bởi hệ thống phần mềm của Công ty hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ Bỏ phiếu điện tử cho Công ty .

20.3 Kết quả kiểm phiếu sẽ được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sau khi hoàn thành xong việc kiểm phiếu và trước khi bế mạc cuộc họp.

20.4. Ban kiểm phiếu là người tiếp nhận các thông tin kết quả Bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả bỏ phiếu. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc kiểm phiếu này.

Điều 21. Thông qua các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp trực tuyến

Tỷ lệ biểu quyết để thông qua các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 20 và Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều 22. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

22.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được Ban thư ký cuộc họp ghi thành biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.

Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty.
- b. Thời gian và địa điểm họp chính của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. c. Chương trình và nội dung cuộc họp.
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký.
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- f. Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

22.2. Biên bản được lập bằng Tiếng Việt.

22.3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến phải được làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

22.4. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

22.5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn theo quy định pháp luật. Các biên bản này được coi là những bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp đó trừ trường hợp có ý kiến phản đối được đưa ra một cách hợp lệ về nội dung biên bản trong vòng mười (10) ngày kể từ khi công bố.

22.6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty .

Điều 23. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

23.1 Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định pháp luật trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được ban hành. Ngày tài liệu được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty được coi là ngày Cổ đông nhận được tài liệu.

23.2 Công ty sẽ tiến hành các thủ tục để công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo quy định của pháp luật và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Trường hợp xảy ra sự kiện ngoài tầm kiểm soát của Công ty

Trong thời gian tổ chức Đại hội trực tuyến, Bộ phiếu điện tử có thể xảy ra những sự kiện ngoài tầm kiểm soát của Công ty tại Địa điểm tổ chức Đại hội trực tuyến và Công ty không thể khắc phục để cuộc họp có thể tiếp tục diễn ra trong thời gian sáu

mười (60) phút, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng cuộc họp, tất cả các vấn đề đã được biểu quyết thông qua trước khi tạm dừng cuộc họp (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Các vấn đề này sẽ được tiến hành biểu quyết lại trong Đại hội đồng cổ đông được triệu tập gần nhất.

Sự kiện ngoài tầm kiểm soát của Công ty tại Địa điểm tổ chức Hội nghị trực tuyến bao gồm thiên tai, hỏa hoạn, mất điện hoặc mất kết nối đường truyền internet, sự cố kỹ thuật tại Địa điểm tổ chức Hội nghị trực tuyến, các yêu cầu hay chỉ thị của Chính phủ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác v.v..

CHƯƠNG IV

LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ

Điều 25. Thẩm quyền quyết định Lấy ý kiến Cổ đông bằng Bỏ phiếu điện tử

Hội đồng quản trị có quyền quyết định việc Lấy ý kiến Cổ đông bằng Bỏ phiếu điện tử để thông qua các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết để thông qua các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức Lấy ý kiến Cổ đông bằng Bỏ phiếu điện tử được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty .

Điều 26. Trình tự, thủ tục Lấy ý kiến Cổ đông bằng Bỏ phiếu điện tử

26.1. Trình tự, thủ tục Lấy ý kiến Cổ đông bằng Bỏ phiếu điện tử được thực hiện như sau:

a. Hội đồng quản trị chuẩn bị nội dung lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

Việc lập danh sách cổ đông gửi lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điều 17 Điều lệ Công ty .

Phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết được đăng tải trên Hệ thống trực tuyến của Công ty .

b. Nội dung lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Mục đích lấy ý kiến;

- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;

- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

- Thời hạn để Bỏ phiếu điện tử.

c. Hội đồng quản trị gửi thông báo lấy ý kiến Cổ đông bằng phương thức đảm bảo cho tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi ý kiến biểu quyết để các Cổ đông có đầy đủ thông tin trước khi có thể ra các quyết định.

Yêu cầu và cách thức thông báo lấy ý kiến Cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty .

d. Cổ đông truy cập Hệ thống trực tuyến thông qua Tài khoản truy cập mà Cổ đông được cung cấp tại thông báo lấy ý kiến Cổ đông và thực hiện Bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống trực tuyến. Thời gian Cổ đông có thể bắt đầu truy cập Hệ thống trực tuyến để thực hiện Bỏ phiếu điện tử sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và thông báo cho Cổ đông trong thông báo lấy ý kiến Cổ đông.

Cổ đông thực hiện Bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng điều kiện để thực hiện Bỏ phiếu điện tử và có nghĩa vụ theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

e. Hội đồng quản trị lập biên bản kiểm phiếu theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty căn cứ vào kết quả Bỏ phiếu điện tử thông qua Hệ thống trực tuyến.

f. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết được thông qua phải được gửi tới các Cổ đông theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty .

26.2. Nghị quyết được thông qua theo hình thức Lấy ý kiến Cổ đông bằng Bỏ phiếu điện tử có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

26.3. Biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Áp dụng quy định về Bỏ phiếu điện tử

Trong trường hợp Công ty sử dụng dịch vụ của một bên thứ ba để thực hiện phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến hoặc Lấy ý kiến Cổ đông bằng Bỏ phiếu điện tử, Quy chế hướng dẫn thực hiện Bỏ phiếu điện tử của bên cung cấp dịch vụ đó (nếu có) sẽ được ưu tiên áp dụng thay thế cho các quy định liên quan của Quy chế này trong phạm vi và theo thông báo của Công ty gửi cho Cổ đông.

Các vấn đề liên quan chưa được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo Điều lệ Công ty .

Điều 28. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế

Quy chế này có thể được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở ý kiến đề nghị của Hội đồng quản trị hoặc khi có sự điều chỉnh của pháp luật về những nội dung có liên quan.

Điều 29. Hiệu lực thi hành

29.1. Quy chế có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

29.2. Cổ đông, tổ chức đại diện và các cá nhân, tổ chức tham gia Đại hội đồng cổ đông trực tuyến của Công ty có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT



Vũ Phi Hồ

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....	2
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi áp dụng.....	2
Điều 2. Giải thích từ ngữ	2
Điều 3. Điều kiện tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và Lấy ý kiến Cổ đông bằng Bỏ phiếu điện tử	4
CHƯƠNG II	5
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN THAM DỰ	5
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN.....	5
HOẶC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ	5
Điều 4. Tham gia Đại hội đồng cổ đông trực tuyến/Lấy ý kiến Cổ đông bằng Bỏ phiếu điện tử.....	5
Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền	7
Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban tổ chức Đại hội trực tuyến	9
Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông.....	9
Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu	9
Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch	10
Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Ban thư ký	10
CHƯƠNG III.....	11
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TIẾN HÀNH.....	11
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN.....	11
Điều 11. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	11
Điều 12. Đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.....	11
Điều 13. Kiểm tra tư cách cổ đông	12
Điều 14. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	12
Điều 15. Cách thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.....	12
Điều 16. Chương trình, nội dung làm việc của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.....	13
Điều 17. Thảo luận trong Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	13
Điều 18. Phương thức biểu quyết bằng Bỏ phiếu điện tử.....	14
Điều 19. Thực hiện Bỏ phiếu điện tử.....	14
Điều 20. Kết quả biểu quyết	16
Điều 21. Thông qua các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp trực tuyến	16
Điều 22. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.....	16
Điều 23. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	17

Điều 24. Trường hợp xảy ra sự kiện ngoài tầm kiểm soát của Công ty	17
CHƯƠNG IV	18
LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ	18
Điều 25. Thẩm quyền quyết định Lấy ý kiến Cổ đông bằng Bỏ phiếu điện tử	18
Điều 26. Trình tự, thủ tục Lấy ý kiến Cổ đông bằng Bỏ phiếu điện tử	18
CHƯƠNG V	20
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	20
Điều 27. Áp dụng quy định về Bỏ phiếu điện tử	20
Điều 28. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế	20
Điều 29. Hiệu lực thi hành	20



